

Bản án số: 120/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19-11-2024

V/v ly hôn,  
tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Lương Bằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Bà Ngô Thị Lệ Nga.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Dương Thành Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2023, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 238/2024/QĐXX-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh ngày 18 tháng 01 năm 1989; Nơi cư trú: Ấp LH, xã LKA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Ấp LH, xã LKA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt lần thứ hai

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 10 năm 2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Vào năm 2006, chị quen biết với anh Nguyễn Văn L, sau khi tìm hiểu được 01 thời gian thì tiến tới hôn nhân và được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2007, cả hai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã LP, huyện TC, (nay là phường LP, thị xã TC), tỉnh An Giang. Sau khi cưới, cả hai cùng nhau về sống chung với gia đình anh L. Thời gian đầu, hai vợ chồng sống chung với nhau rất hạnh phúc, đến tháng 9 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn về chuyện tiền bạc, hay cãi nhau bất đồng quan điểm, sống chung không còn hạnh phúc, nên chị dọn đồ ra ở riêng, chị và anh L đã không còn sống chung từ tháng 01 năm 2022 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm giữa 02 vợ chồng không còn, không hàn gắn được nữa, nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn L. Về con chung: Chị và anh L sống chung với nhau có được 02 con chung là Nguyễn Văn P, sinh ngày 08 tháng 3 năm 2008 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 03 tháng 4 năm 2017, hai cháu sống chung với anh L từ nhỏ cho đến nay. Nay chị đồng ý giao 02 con chung cho anh Nguyễn Văn L tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Có 01 căn nhà 05mx15m, nhà mái thiết, vách thiếc, nền tráng xi măng cát trên phần đất vợ chồng mua khoảng năm 2016 - 2017, đất đã có giấy đỏ đứng tên chủ hộ Nguyễn Văn L; có 01 chiếc xe Wave mua năm 2023, mua 27.000.000 đồng và đang trả góp do chị đứng tên, góp được 03 tháng. Về nợ chung: Đang thiếu nợ Công ty A 23.000.000 đồng (vay năm 2023), anh L đã lấy hết số tiền này, mỗi tháng chị phải trả khoảng 1.300.000 đồng; nợ anh Nguyễn Văn N (anh ruột của anh L) 35.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị Th (chị ruột của tôi) 35.000.000 đồng; Nguyễn Văn T 15.000.000 đồng. Tại phiên tòa, chị không yêu cầu giải quyết đối với tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày: Anh với chị Nguyễn Thị D cưới nhau khoảng 16 - 17 năm trước (nhưng không nhớ ngày, tháng năm), trước khi cưới có tự tìm hiểu nhau được gần 01 năm, cả hai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LP, huyện TC, (nay là phường LP, thị xã TC), tỉnh An Giang. Sau khi cưới sống chung với gia đình anh được 01 thời gian thì hai vợ chồng đi Sài Gòn làm thuê. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu vui vẻ, hạnh phúc. Nhưng khoảng 02 năm nay thì phát sinh mâu thuẫn, do chuyện tiền bạc trong gia đình, vợ chồng cũng có cự cãi nhau, vợ chồng không còn sống chung khoảng 01 năm nay. Nay chị D yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý. Về nuôi con chung: Anh yêu cầu được nuôi 02 con chung là Nguyễn Văn P, sinh ngày 08 tháng 3 năm 2008 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 03 tháng 4 năm 2017, hiện đang sống với anh, anh yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con, mỗi cháu 2.500.000 đồng/tháng, tới lúc trưởng thành. Về tài sản chung: Có 01 căn nhà 04mx18m, nhà mái tole, vách thiếc, nền tráng xi măng cát trên phần đất vợ chồng mua khoảng 03 năm nay, đất đã có giấy đỏ đứng tên anh; nhà đang cho thuê; tài sản này để lại cho con. Về nợ chung: Ngoài ra còn vay 100.000.000 đồng để trả nợ (không nhớ họ tên người vay); thiếu anh Nguyễn Văn N (anh ruột của anh) 05

chỉ vàng, 23.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị Th (chị ruột của anh) 40.000.000 đồng; Trần Thị Thảo Q 16.000.000 đồng, anh yêu cầu mỗi người phải trả phân nửa số tiền này.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn L. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Văn P, sinh ngày 08 tháng 3 năm 2008 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 03 tháng 4 năm 2017, chị Nguyễn Thị D cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu giải quyết, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết; còn anh Nguyễn Văn L không có đơn yêu cầu giải quyết và không cung cấp họ tên, năm sinh, địa chỉ của những cá nhân, tổ chức mà anh chị đã vay mượn, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết, nếu anh có yêu cầu thì sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn L là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D đối với anh Nguyễn Văn L, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua phần trình bày của chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn L đều thể hiện anh chị đã không còn hạnh phúc, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung, cả hai đã không còn sống chung hơn 01 năm nay. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của chị D và anh L hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét

thấy yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho chị D ly hôn với anh L.

[4] Về việc nuôi con: Chị Nguyễn Thị D đồng ý giao 02 con chung Nguyễn Văn P, sinh ngày 08 tháng 3 năm 2008 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 03 tháng 4 năm 2017 cho anh Nguyễn Văn L tiếp tục nuôi dưỡng, anh L cũng đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và cháu P cũng có nguyện vọng được sống với ba, Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị D và anh L không còn sống chung với nhau thì 02 cháu P và H đều do anh L chăm sóc nuôi dưỡng, vì vậy để ổn định cuộc sống của 02 cháu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

[5] Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi 02 con chung của anh Nguyễn Văn L, Hội đồng xét xử xét thấy theo khoản 2 Điều 82: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.”*, như vậy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của anh L là có căn cứ chấp nhận, ngoài ra chị D cũng có nghề nghiệp, thu nhập ổn định. Đối với mức cấp dưỡng, do các bên không thoả thuận được nên căn cứ theo khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình để quyết định mức cấp dưỡng.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị D trình bày không yêu cầu giải quyết, còn anh Nguyễn Văn L trình bày có tài sản chung là 01 căn nhà 04mx18m, nhà mái tole, vách thiếc, nền tráng xi măng cát trên phần đất vợ chồng mua khoảng 03 năm nay, đất đã có giấy đỏ đứng tên anh, nhà đang cho thuê, tài sản này để lại cho con; ngoài ra còn vay 100.000.000 đồng để trả nợ (không nhớ họ tên người vay); nợ anh Nguyễn Văn N (anh ruột của anh) 05 chỉ vàng, 23.000.000 đồng; nợ chị Nguyễn Thị Th (chị ruột của anh) 40.000.000 đồng; nợ Trần Thị Thảo Q 16.000.000 đồng, anh yêu cầu mỗi người phải trả phân nửa số tiền này, Tòa án đã thông báo cho anh L biết nếu có yêu cầu giải quyết những tài sản chung, nợ

chung thì anh phải làm đơn phản tố đối với yêu cầu của mình, cũng như cung cấp họ tên, năm sinh, địa chỉ của những cá nhân, tổ chức mà anh và chị D đã vay hoặc cho vay, nhưng anh không bổ sung tài liệu, chứng cứ theo nội dung anh trình bày, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Nếu anh có yêu cầu thì sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D, cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn L.

2. Về việc nuôi con chung:

2.1. Anh Nguyễn Văn L được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Văn P, sinh ngày 08 tháng 3 năm 2008 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 03 tháng 4 năm 2017.

2.2. Chị Nguyễn Thị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn H; mức cấp dưỡng mỗi cháu mỗi tháng bằng một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi chị Nguyễn Thị D đang cư trú, do Nhà nước quy định tại thời điểm thi hành án, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 12 năm 2024 đến khi 02 cháu Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn H đủ 18 tuổi, tự lao động sinh sống được.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm:

3.1. Chị Nguyễn Thị D chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006132 ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, chị D còn phải nộp tiếp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

3.2. Anh Nguyễn Văn L không phải chịu án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND P.LP, TX.TC, T.An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Lương Bằng**